Người ký: Bộ Nội vụ
Cơ quan: Bộ Nội vụ
Thời gian ký: 04.11.2019 16:02:02 +07:00

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12 /2019/TT-BNV	*Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2019*

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng

Căn cứ Khoản 3, Điều 80 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Trưởng ban, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 1. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. Giải thích từ ngữ

a) Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, gồm: Huân chương; Huy chương; danh hiệu vinh dự Nhà nước; Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

b) Các danh hiệu thi đua cấp Nhà nước, gồm: Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

c) Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ (tổ, đội, phân xưởng sản xuất; phòng, khoa thuộc bệnh viện cấp huyện, bệnh viện cấp tỉnh; tiểu đội thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đội thuộc công an cấp huyện...).

2. Quy định các từ ngữ viết tắt

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương, Kiểm toán Nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Bộ, ban, ngành, tỉnh).

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,

Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trưởng các đoàn thể Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh).

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

d) Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

đ) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

e) Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương (viết tắt là Cờ thi đua cấp bộ, Bằng khen cấp bộ, Chiến sĩ thi đua cấp bộ).

g) Cờ thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bằng khen cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Cờ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh).

h) Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (viết tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP).

Điều 2. Quy định chung về khen thưởng

1. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước việc đánh giá, công nhận thành tích và đề nghị cấp trên khen thưởng do Người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh, việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng của các thành tích do bộ, ban, ngành, tỉnh quy định.

2. Người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng, có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý: Cổng thông tin điện tử, Tạp chí, Báo ngành, địa phương trước khi Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh họp xét khen thưởng.

Việc lấy ý kiến của nhân dân trên phương tiện thông tin và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Hình thức, mức hạng khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được. Quan tâm khen thưởng tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số, biên giới, biển đảo, miền núi, vùng sâu, vùng xa và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác.

4. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Trong báo cáo phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cấp có thẩm quyền; số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích: Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng tính đến thời điểm bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ trước 06 tháng, quá thời hạn trên, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương không nhận hồ sơ trình khen thưởng.

Bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ hồ sơ khen thưởng bằng văn bản giấy đồng thời gửi văn bản điện tử qua phần mềm "Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử Ngành Thi đua - Khen thưởng". Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương nhận được văn bản giấy và văn bản điện tử theo đúng quy định.

5. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

6. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

7. Khi khen thưởng đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ".

8. Thời gian xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành giáo dục đào tạo như: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xét sau khi kết thúc năm học.

9. Khi khen thưởng cho tập thể, cá nhân không thuộc đối tượng quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương, bộ, ban, ngành, tỉnh chỉ khen thưởng các hình thức thuộc thẩm quyền, không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước. Đối với khen thưởng theo chuyên đề thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này.

10. Không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước khi bộ, ban, ngành, tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế, khu vực...

Điều 3. Về hình thức khen thưởng

1. Cơ quan có thẩm quyền căn cứ đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức phù hợp.

2. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn tặng hình thức, mức hạng nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng hình thức, mức hạng đó, không đề nghị khen thưởng vượt mức hạng.

Đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất Người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền, trường hợp thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh thì đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Trong 01 năm không đề nghị xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ khen thưởng đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn).

Điều 4. Về tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh

1. Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh có thời gian từ 03 năm trở lên cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành, tỉnh gửi Kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để theo dõi, tổng hợp.

2. Người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh thì thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Bộ, ban, ngành không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho đối tượng không do bộ, ban, ngành quản lý chuyên môn theo ngành dọc.

3. Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm, 5 năm trở lên, bộ, ban, ngành, tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền.

Đối với phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Trước khi đề nghị khen thưởng, bộ, ban, ngành, tỉnh thống nhất với Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương để hướng dẫn theo quy định.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, hướng dẫn, kiểm tra đối với phong trào thi đua có thời gian dài; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Sơ kết, tổng kết khen thưởng các tập thể, cá

nhân có thành tích trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

3. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan công khai bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

Điều 6. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến do bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu mức đạt trở lên.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; ở cấp bộ, ban, ngành, tỉnh thì xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh"; phạm vi toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức theo quy định.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến"

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, ban, ngành và cấp huyện do

thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng xét, trình giám đốc sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Người lao động, tập thể người lao động làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài; hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại...do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã trực tiếp quản lý xem xét, quyết định.

Điều 8. Việc tặng Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh

1. Bộ, ban, ngành, tỉnh căn cứ hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình thực tiễn để ban hành quy định việc tổ chức hoạt động cụm, khối thi đua cho phù hợp.

2. Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức thi đua theo cụm, khối thì xem xét, quyết định tặng Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh cho tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu cụm, khối thi đua.

Bộ, ban, ngành trung ương xét, tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen cấp bộ cho cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh khi tham gia cụm, khối thi đua do bộ, ban, ngành trung ương tổ chức.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét, tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị của bộ, ban, ngành trung ương tham gia cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức.

3. Việc tặng Cờ thi đua của Chính phủ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Bộ, ban, ngành, tỉnh không ban hành Quyết định tặng Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh đối với tập thể đủ tiêu chuẩn đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 9. Khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất

1. Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận là thành tích được cơ quan, tổ chức trong khu vực hoặc thế giới tặng thưởng huy chương, giải thưởng, giấy chứng nhận và các hình thức ghi nhận hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

2. Bộ, ban, ngành, tỉnh có tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất căn cứ quy định, tình hình thực tiễn và phạm vi ảnh hưởng, kịp thời hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo; khen thưởng doanh nghiệp

1. Khen thưởng quá trình cống hiến.

a) Bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn khi có thông báo nghỉ hưu.

b) Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo.

a) Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc trung ương các giáo hội do cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo (Bộ Nội vụ) trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến các cơ quan có liên quan về tôn giáo; xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ xét, khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng.

3. Khen thưởng đối với doanh nghiệp.

a) Việc đề nghị các hình thức khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán Nhà nước và Luật Kiểm toán độc lập phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán.

Đối với doanh nghiệp đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" thuộc đối tượng kiểm toán phải có báo cáo kết quả kiểm toán (nếu chưa có báo cáo kết quả kiểm toán thì sau khi có kết quả kiểm toán thực hiện trình khen thưởng theo quy định).

b) Tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp hoạt động tại nơi đặt trụ sở giao dịch chính do Người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở giao dịch chính khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Đơn vị thành viên của doanh nghiệp, nhưng hạch toán độc lập và thực hiện nghĩa vụ ở địa phương nơi không đóng trụ sở giao dịch chính do Người đứng đầu khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Trường hợp tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp có thành tích đóng góp cho địa phương ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tập thể, cá nhân lập được thành tích khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp bộ, cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Người đứng đầu đánh giá phạm vi ảnh hưởng đối với thành tích của tập thể, cá nhân trong toàn quốc; trong bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc uỷ quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng; hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 12. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương:

a) Xây dựng kế hoạch hàng năm về nội dung chương trình tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước.

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức các hội nghị tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng.

2. Cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng:

a) Xây dựng kế hoạch và nội dung chương trình để tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý tham gia đầy đủ các hội nghị tập huấn nghiệp vụ do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Bộ, ban, ngành trung ương; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Nội vụ (qua Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương) để nghiên cứu, hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Nội vụ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Lưu: VT, PC, BTĐKTTW (3b), Đ225.

BỘ TRƯỞNG

BỘ NỘI VỤ

Lê Vĩnh Tân